

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22-12-2021

V/v: Ly hôn giữa

Anh T và chị C.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực
2. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Linh C, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 22-7-2021, các Bản tự khai và đơn đề nghị, nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Linh C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-4-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cháu Trần Bảo A mà chị C sinh không phải là con ruột của anh dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Vợ

chồng sống ly thân từ tháng 11-2020 đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị C.

Về con chung: Anh và chị C không có con chung. Trong thời kỳ hôn nhân, chị C có sinh một con là Trần Bảo A, sinh ngày 08-7-2020. Anh xác định cháu A không phải là con chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án xác định cháu Trần Bảo A là con riêng của chị C, anh không có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu A. Anh đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN để chứng minh anh không phải là cha đẻ của cháu Trần Bảo A và anh yêu cầu chị C hoàn trả anh số tiền anh đã nộp tạm ứng chi phí giám định ADN là 6.000.000 đồng.

Về chia tài sản chung: Anh và chị C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa anh và chị C. Do anh đang làm việc trên Hà Nội, công việc bận nên anh T xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị C.

Tại các bản tự khai và đơn đề nghị, bị đơn chị Nguyễn Linh C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào tháng 4-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do cháu Trần Bảo A không phải là con chung của vợ chồng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, lạnh nhạt tình cảm. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 11-2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, anh T khởi kiện ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung. Chị C xác định cháu Trần Bảo A, sinh ngày 08-7-2020 là con riêng của chị, hiện nay cháu A đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị xin tiếp tục nuôi cháu A, không yêu cầu anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu A.

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa chị và anh T. Do chị đang làm việc trên Hà Nội, công việc bận, đi lại khó khăn nên chị xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 88 và Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho anh Trần Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Linh C; về nuôi con chung: Xác định anh T, chị C không có con chung. Xác định cháu Trần Bảo A, sinh ngày 08-7-2020 là con riêng của chị C, giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu A; về chia tài sản: Anh T, chị C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về tố tụng:* Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết việc ly hôn chị Nguyễn Linh C, chị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Anh T ú, chị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T ú, chị C theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Linh C kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-4-2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 07 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do cháu Trần Bảo A do chị C sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng không phải là con chung của vợ chồng dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm, anh T và chị C sống ly thân từ tháng 11-2020 đến nay. Nay anh T và chị C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T khởi kiện ly hôn, chị C cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng anh T, chị C mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh T, chị C ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T và chị C, chị C có sinh một con là Trần Bảo A sinh ngày 08-7-2020. Cháu Trần Bảo A đã được đăng ký khai sinh vào ngày 23-7-2020 tại UBND xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và

trong phần họ tên người cha của cháu A được xác định anh Trần Ngọc T là cha của cháu A. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị C đều xác định cháu A không phải là con chung của vợ chồng, chị C xác định cháu A là con riêng của chị. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đã trưng cầu giám định để xác định huyết thống cha con giữa anh Trần Ngọc T và cháu Trần Bảo A theo yêu cầu của anh T. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 27-11-2021 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền, địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà HCMCC, 249A Thụy Khê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội kết luận: Anh Trần Ngọc T và cháu Trần Bảo A không có quan hệ huyết thống cha - con. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cháu Trần Bảo A không phải là con của anh T, cháu A là con riêng của chị C. Chị C có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu A, không đặt ra vấn đề nuôi và cấp dưỡng cháu Trần Bảo A đối với anh T.

[5] Về chia tài sản: Anh T và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T là nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí giám định ADN: Anh T đã nộp tạm ứng đủ số tiền 6.000.000đồng, vì cháu A không phải là con anh T nên chị C phải chịu chi phí giám định. Vì vậy, chị C phải hoàn trả cho anh T số tiền 6.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 88 và Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Linh C.
2. *Về con chung*: Anh T, chị C không có con chung.
 - 2.1. Xác định cháu Trần Bảo A, sinh ngày 08-7-2020 là con của chị Nguyễn Linh C, không phải là con của anh Trần Ngọc T. Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu A.
 - 2.2. Chị C, anh T có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.
3. *Về chia tài sản*: Anh T, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. *Về án phí*: Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0003463 ngày 08-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Anh T đã nộp đủ tiền án phí).

5. *Về chi phí giám định:* Chị Nguyễn Linh C phải hoàn trả anh Trần Ngọc T khoản tiền chi phí giám định ADN với số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Linh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên